

Số: 07/TTr-PSD-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2016

**TỜ TRÌNH**  
Về việc: sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CP DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014 được Quốc hội ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua thay đổi Điều lệ Công ty Cổ Phần Dịch vụ phân phối tổng hợp Dầu khí, cụ thể như sau:

STT	Nội dung sửa đổi	Điều khoản	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung được sửa đổi
1	Quyền của cổ đông	Điểm h khoản 2 Điều 11	Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại điều <b>90.1 của Luật Doanh nghiệp.</b>	Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại điều <b>129.1 của Luật Doanh nghiệp.</b>
2	Đại hội đồng cổ đông	Điểm b khoản 4 Điều 13	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều <b>119 Luật Doanh nghiệp</b>	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</b>
3	Đại hội đồng cổ đông	Điểm b khoản 4 Điều 13	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</b>	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</b>
4	Đại hội đồng cổ đông	Điểm c khoản 4 Điều 13	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu

			quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp</b>	quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b><u>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</u></b>
5	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điểm o khoản 2 Điều 14	Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <b>Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp</b> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <b><u>Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp</u></b> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
6	Thay đổi các quyền	Khoản 1 Điều 16	Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất <b>75%</b> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất <b>65%</b> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
7	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điểm m khoản 3 Điều 25	Quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê có giá trị trên 50% giá trị tổng tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và theo quy định của pháp luật.	<u>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 135; khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp.</u>
8	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điểm c khoản 4 Điều 25	Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh) trong phạm vi quy định tại <b>Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp</b> , trừ trường hợp quy định tại <b>Khoản 3</b>	Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh) trong phạm vi quy định tại <b><u>Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</u></b> , trừ trường hợp quy định tại <b><u>Khoản 3</u></b>

			<b>Điều 120 Luật Doanh nghiệp</b> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;	<b>Điều 162 Luật Doanh nghiệp</b> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
9	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Khoản 1 Điều 26	<b>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị</b> phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	<b>Hội đồng quản trị</b> phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
10	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Khoản 1 Điều 28	Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	<u>Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u>
11	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Khoản 4 Điều 28	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn <b>mười lăm (15) ngày</b> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn <b>bảy (07) ngày làm việc</b> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị

4828  
 NG T  
 PHẢI  
 CH VỤ  
 HỐI TỐN  
 ÁU KHÍ  
 P HỒ C

12	Thành viên Ban kiểm soát	Khoản 1 Điều 33	Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.	Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. <u>Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát Công ty tuân thủ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.</u>
13	Ban kiểm soát	Khoản 1 Điều 34	Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <b>Điều 123 của Luật Doanh nghiệp</b> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <b>Điều 165 của Luật Doanh nghiệp</b> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

Nội dung thay đổi trên có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 phê chuẩn.

Kính đề nghị Đại hội xem xét, thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**





**PHAN QUANG TUẤN ANH**